

Số: 55/2025/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố A A, phường A, tỉnh Gia Lai. Số căn cước công dân: 064193001257 cấp ngày 09/4/2021.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Số căn cước công dân: 064087001203 cấp ngày 09/4/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1993 (là nguyên đơn) và anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1987 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2013 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã H, tỉnh Gia Lai). Nay nguyên đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Trọng N có 02 con chung là Nguyễn Trọng Ly N1, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Trọng Thùy D, sinh ngày 08/01/2018. Ly hôn chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Ly N1 và Nguyễn Trọng Thùy D. Sau khi ly hôn theo thỏa thuận giữa chị T và anh N và phù hợp với

nguyện vọng của 02 con trên 07 tuổi, thỏa thuận như sau: Giao 02 con chung là Nguyễn Trọng Ly N1, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Trọng Thùy D, sinh ngày 08/01/2018 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung nêu trên.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Trọng N mỗi người phải chịu là 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Phạm Thị Hồng T tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Nguyễn Trọng N nên chị Phạm Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà chị Phạm Thị Hồng T đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004592 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Trả lại cho chị Phạm Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khuc vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 –Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã H, tỉnh Gia Lai (đăng ký KH ngày 05/6/2013);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân H

2.1. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Tôn Nữ Tường V và ông Huỳnh Văn T1 có 02 con chung là Huỳnh Ngọc Kim T2, sinh ngày 13/10/2011 và Huỳnh Ngọc Khánh L, sinh ngày 08/6/2017. Sau khi Ly hôn theo nguyện vọng của con trên 07 tuổi và theo thỏa thuận giữa bà V và ông T1. Giao con chung là Huỳnh Ngọc Kim T2, sinh ngày 13/10/2011 và Huỳnh Ngọc Khánh L, sinh ngày 08/6/2017 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tôn Nữ Tường V và ông Huỳnh Văn T1 thỏa thuận ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà V nuôi 02 con chung nêu trên, cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/1con, thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tôn Nữ Tường V và ông Huỳnh Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí:

+ Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Tôn Nữ Tường V và ông Huỳnh Văn T1 mỗi người phải chịu là 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Văn T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Tôn Nữ Tường V tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Văn T1 nên bà Tôn Nữ Tường V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà bà Tôn Nữ Tường V đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000166 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khúc vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Sơn, Tp. HCM. Trước đây là UBND phường 15, quận Tân Bình (đăng ký KH ngày 28/11/2011);
- UBND xã Ayun, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân Hòa

1. Về hôn nhân:

Bà Tôn Nữ Tường Vi, sinh năm 1985 (là nguyên đơn) và ông Huỳnh Văn Tấn, sinh năm 1983 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2011 tại UBND phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tân Sơn, thành phố Hồ Chí Minh). Nay nguyên

đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Tôn Nữ Tường Vi và ông Huỳnh Văn Tấn có 02 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Kim Trang, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Huỳnh Ngọc Khánh Ly, sinh ngày 08/6/2017. Sau khi Ly hôn theo nguyện vọng của con và theo thỏa thuận giữa bà Vi và ông Tấn, giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc Kim Trang, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Huỳnh Ngọc Khánh Ly, sinh ngày 08/6/2017 cho bà Vi là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tôn Nữ Tường Vi và ông Huỳnh Văn Tấn thỏa thuận ông Tấn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Vi nuôi 02 con chung nêu trên, cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/1con, thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tôn Nữ Tường Vi anh ông Huỳnh Văn Tấn không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), bà Tôn Nữ Tường Vi và ông Huỳnh Văn Tấn mỗi người phải nộp là 75.000 đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Văn Tấn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bà Tôn Nữ Tường Vi tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Văn Tấn nên bà Tôn Nữ Tường Vi phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà bà Tôn Nữ Tường Vi đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000166 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.